



## TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ CỦA TÂN DÂN TỬ VÀ PHẠM MINH KIÊN TỪ GÓC NHÌN CỦA LÝ THUYẾT TỰ SỰ

Lê Thị Kim Út\*

Khoa Ngữ văn – Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 22-01-2017; ngày phản biện đánh giá bài: 23-02-2017; ngày chấp nhận đăng bài: 15-4-2017

### TÓM TẮT

Từ những nền tảng của lý thuyết tự sự học, bài viết tập trung triển khai tương quan của một số yếu tố tự sự trong tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên như: tương quan giữa người trần thuật và nhân vật, giữa cốt truyện và chi tiết, sự kiện. Vấn đề kết cấu tuyến tính trong tiểu thuyết cũng được chúng tôi tập trung phân tích để làm rõ những đổi mới và kế thừa truyền thống sáng tác của hai nhà văn này.

**Từ khóa:** tự sự học, tiểu thuyết lịch sử, Tân Dân Tử, Phạm Minh Kiên.

### ABSTRACT

*Historical Novels by Tan Dan Tu and Pham Minh Kien from a Narratological Perspective*

Based on the foundation of narrative theory, the paper focuses on the correlation of some narrative factors in Tan Dan Tu and Pham Minh Kien's historical fictions, such as: the correlation between the narrator and characters, between plot and details-events. The linear structure in the novels are also analyzed to clarify the authors' inheritance to literary tradition as well as their innovation.

**Keywords:** narratology, historical fiction, Tan Dan Tu, Pham Minh Kien.

Tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học từ góc nhìn Tự sự học tuy không phải là con đường duy nhất nhưng trải qua một quá trình lâu dài, Tự sự học đã khẳng định được mình là một hướng tiếp cận và nghiên cứu văn chương đạt được hiệu quả cao. Khi ứng dụng Tự sự học vào một đối tượng văn học cụ thể, cần cân nhắc triển khai những phương diện nào của tác phẩm văn học. Bởi, phải làm sao để ứng dụng lý thuyết vào thực tế văn học không bị khép khiếm và bất hợp lý dẫn đến tình trạng

không mang lại kết quả nghiên cứu. Dưới ánh sáng của lý thuyết tự sự, bài viết triển khai phân tích đặc trưng tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên với hi vọng khẳng định những đóng góp của hai nhà văn này về mặt kỹ thuật sáng tác trong quá trình hiện đại hóa nền văn học dân tộc.

**1. Các phương diện lựa chọn ứng dụng lý thuyết tự sự trong phân tích tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên**

\* Email: utltk@tdmu.edu.vn

Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên được xem là hai tác giả tiêu biểu của trào lưu viết tiểu thuyết lịch sử ở Nam Bộ giai đoạn 1900 - 1945. Tân Dân Tử (1875 - 1955) sáng tác tiểu thuyết lịch sử với cảm hứng yêu nước và lòng tự hào dân tộc sâu sắc. Quan niệm mới về con người, chú trọng miêu tả khía cạnh đời thường của nhân vật trong các tác phẩm của mình đã làm cho tác phẩm của ông gần với đời sống hiện tại. Sự pha trộn yếu tố truyền thống với những cách tân nghệ thuật của tác giả nói lên những cố gắng đổi mới của tác giả nhưng cũng phản ánh được những đặc điểm lịch sử của giai đoạn văn học này ở Nam Bộ. Còn với Phạm Minh Kiên, cho đến nay, vẫn chưa rõ năm sinh và năm mất của ông. Chỉ có một vài thông tin về tác giả như: có bút danh là Tuấn Anh và Dương Tuấn Anh, quê gốc ở miền Trung, vào Sài Gòn lập nghiệp, cộng tác tích cực cho các tờ báo. Trong giai đoạn sáng tác đầu, Phạm Minh Kiên nghiêng tập trung viết về đề tài luân thường đạo lý ở đời. Nhưng giai đoạn sau, ông khai thác hiện thực lịch sử nước nhà để làm đề tài cho tiểu thuyết của mình. Trong các tiểu thuyết lịch sử của ông<sup>1</sup>, có

thể chia thành hai loại: dã sử và lịch sử.

Với bối cảnh lịch sử văn học mà kỹ thuật tiểu thuyết hiện đại chưa thật sự rõ nét nhưng các tác phẩm không còn ở trong phạm vi của tiểu thuyết trung đại, tức là những hiện tượng văn học đang chuyển biến, việc lựa chọn khía cạnh nào và mức độ ra sao của lý thuyết tự sự để phân tích là điều cần phải cân nhắc. Dựa vào lý thuyết tự sự học và mức độ hiểu biết của chúng ta cũng như đặc trưng của các tác phẩm tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên, chúng tôi đi vào phân tích hai khía cạnh sau:

- Người kể chuyện trong tiểu thuyết và ảnh hưởng của nó đối với kết cấu tiểu thuyết.

- Kiểu nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử và ranh giới giữa sự thật và hư cấu và sự sản sinh của yếu tố huyền thoại.

Ngoài ra, chúng tôi còn bước đầu đề cập khía cạnh kỹ thuật văn xuôi hư cấu trong tiểu thuyết của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên ở phần cuối của bài viết.

Đối với vấn đề thứ nhất, như chúng ta thấy, người kể chuyện đóng vai trò không chỉ là người dẫn dắt (tức kể, miêu tả) mà còn điều hướng (tức “phân bố” các chi tiết) sự phát triển của kết cấu. Phạm trù người kể chuyện là trung tâm điểm trong lý thuyết của tự sự học. Khi nói đến tự sự học, các nhà nghiên cứu luôn nhắc đến người kể chuyện như một yếu tố then chốt trong phân tích dòng chảy tự sự của tác phẩm. Từ R. Barthes, A. J. Greimas đến T.

<sup>1</sup> 1. *Việt Nam anh kiệt - Vì nghĩa liều mình*, tiểu thuyết, Imp. Duy Xuân, SaDEC, 1926; Nhà in Xưa Nay tái bản, 1927; Tin Đức thư xã, 1928; Nhà in Thạch Thị Mậu, Sài Gòn, 1929

2. *Việt Nam Lý trung hưng (Việt Nam Lý Thường Kiệt)* - tiểu thuyết, Nhà in Đức Lưu Phương, 1929; Tin Đức thư xã, 1932

3. *Lý Bàng Phi* - tiểu thuyết, Nhà in Đức Lưu Phương, 1930 - Thư viện Quốc gia Hà Nội

4. *Lê triều Lý thị* - tiểu thuyết, Imp. Nguyễn Văn Việt, Sài Gòn, 1931; Tin Đức thư xã

5. *Tiền Lê vận mệnh* - Tin Đức thư xã 1932; Thư viện Quốc gia, Hà Nội; tiểu thuyết lịch sử thời Tiền Lê (Lê Long Đĩnh, Lý Công Uẩn)

6. *Trần Hưng Đạo*, lịch sử tiểu thuyết, Tin Đức thư xã, Sài Gòn, 1933

Todorov, G. Genette... đều quan tâm đến yếu tố người kể chuyện. Điều đó, trước hết xuất phát từ việc, chức năng tổ chức trần thuật của người kể chuyện đóng vai trò định vị các quan hệ của cấu trúc văn bản như: cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ...

Đối với vấn đề thứ hai, chúng tôi dựa vào lí thuyết về chức năng hành động của nhân vật của N. Frye để phân tích. Sự lựa chọn này trước hết xuất phát từ những thành tựu ứng dụng của lí thuyết này trong lịch sử, mặt khác xuất phát từ tính xác đáng của lí thuyết này khi tác giả phân loại các thứ tự sự căn cứ trên cơ sở hành động của nhân vật. Hơn nữa, chúng tôi còn hướng đến khai thác yếu tố huyền thoại trong tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên từ sự lưu ý của N. Frye về sự hình thành của kiểu nhân vật này.

Phan Thu Hiền, trong *Về lí thuyết tự sự của N. Frye*<sup>2</sup> đã tổng thuật việc N. Frye dựa trên chức năng của hành động nhân vật để phân chia văn xuôi hư cấu thành năm kiểu, ứng với năm thức tự sự:

1. Khi năng lực hành động của nhân vật siêu tuyệt hơn về loại đối với cả con người lẫn môi trường của con người, thì kết quả ta sẽ có nhân vật thần linh, câu chuyện về nhân vật đó là một thần thoại.

2. Khi năng lực hành động của nhân vật siêu tuyệt hơn về mức độ đối với con người và môi trường của con người, ta có kiểu nhân vật với hành động phi thường, kì diệu nhưng được nhận diện như con người.

3. Khi năng lực hành động của nhân vật

siêu tuyệt về trình độ đối với người đồng loại nhưng không siêu tuyệt đối với môi trường tự nhiên của nhân vật, ta có nhân vật dạng mô phỏng cao - kiểu nhân vật tiêu biểu của sử thi và bi kịch.

4. Khi nhân vật không siêu tuyệt cả đối với môi trường lẫn người đồng loại, nhân vật là một trong chúng ta. Người đọc tiếp nhận nhân vật với cảm giác về tính người bình thường của nó và đòi hỏi tác giả về một nguyên tắc thể hiện những khả năng mà chúng ta tìm thấy bằng kinh nghiệm của mình. Đây là kiểu nhân vật dạng mô phỏng thấp, là thức của hài kịch, tự sự hiện thực chủ nghĩa.

5. Khi năng lực hành động đó kém hơn so với chúng ta, chúng ta có cảm giác khinh thị và nhân vật thuộc thức châm biếm, mỉa mai.

Như vậy, ta thấy, có hai điểm cần lưu ý: 1) N. Frye đã loại bỏ yếu tố đạo đức của nhân vật trong phân tích tự sự; 2) N. Frye đã xây dựng các thức dựa trên sự tương tác của người đọc khi đối diện với tác phẩm, cụ thể ở đây là nhân vật.

Ứng chiếu các thức tự sự trên vào tác phẩm của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên chúng tôi thấy, thức thứ 3 trùng với trường hợp kiểu nhân vật anh hùng<sup>3</sup> của các tác giả này. Đó là kiểu nhân vật hiền lương, tài giỏi, vì nước vì tiền đồ dân tộc. Điểm chung của các nhân vật này là mang khát vọng *lịch sử*. *Thức thứ tư, dạng nhân vật mô phỏng thấp trùng với kiểu nhân vật*

<sup>2</sup> Trần Đình Sử (cb). (2008). *Tự sự học (một số vấn đề lý luận và lịch sử)*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

<sup>3</sup> Kiểu nhân vật anh hùng được xem là phổ biến trong tác phẩm của hai nhà văn này. Một số nhân vật anh hùng được hai tác giả lấy từ lịch sử để làm chất liệu cho tác

“phản diện”<sup>4</sup> với những hành động đê hèn, mưu mô xảo quyệt hay có thể trường hợp khác là nhân vật bị oan khuất<sup>5</sup>.

Chúng tôi cho rằng, việc định hình các thức tự sự trên không chỉ hữu ích trong việc phân tích tác phẩm theo thể loại mà còn hữu ích trong việc đi tìm các yếu tố, tính chất (ví dụ yếu tố sử thi, bi kịch, huyền thoại...) trong tiểu thuyết lịch sử<sup>6</sup>.

## 2. Tương quan của một số yếu tố tự sự trong tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên

### 2.1. Tương quan giữa người trần thuật và nhân vật

Tương quan giữa người trần thuật và nhân vật được T. Todorov khái quát với ba bình diện chính. Bình diện thứ nhất được mô tả theo sơ đồ:

*Người kể chuyện > Nhân vật: cách nhìn từ phía sau*

Tức là người kể chuyện nhìn thấu suốt mọi suy nghĩ, bối cảnh của nhân vật. Người kể chuyện đứng trên nhân vật, hiểu hết mọi tâm tư của nhân vật. Đây là kiểu trần thuật của lối viết cổ điển. Bình diện thứ hai được mô tả theo sơ đồ:

*Người kể chuyện = Nhân vật: cách nhìn cùng với nhân vật*

Tức là sự hiểu của người kể chuyện

chỉ ngang mức của nhân vật, họ chỉ đóng vai trò giải thích sự kiện mà thôi. Câu chuyện có thể được dẫn dắt bằng ngôi xưng thứ nhất hoặc thứ ba, nhưng luôn theo cách nhìn của cùng một nhân vật. Bình diện thứ ba được mô tả theo sơ đồ:

*Người kể chuyện < Nhân vật*

Tức là người kể chuyện không hiểu hết sự việc, vấn đề. Họ chỉ mô tả, giải thích những gì họ thấy mà thôi.

Khảo sát tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên, chúng tôi thấy, tương quan giữa nhân vật và người kể chuyện thuộc dạng thứ nhất (tổ chức trần thuật ở ngôi thứ ba) và dạng thứ hai (tổ chức trần thuật ở ngôi thứ nhất). Cũng từ đây, chúng ta thấy rõ hình bóng của nhà văn biểu hiện qua những bình luận thể hiện quan điểm của họ. Tức là sự tác động trực tiếp của người trần thuật đối với nhân vật. Chẳng hạn, trong *Giọt máu chung tình*<sup>7</sup> của Tân Dân Tử có đoạn:

“*Đây tôi xin lắng lơ hồi thử liệt vị khán quan một ít lời, giả như liệt vị khán quan lại mà đứng nơi một địa vị như Đông Sơ này, trong lúc trăng thanh canh vắng, mà gặp một cảnh tình thanh lịch như vậy, chẳng biết liệt vị khán quan sẽ cử động như thế nào hê? Thế thì tôi tưởng chừ vị khán quan cũng như tôi:*

*Chẳng những: diên lòng Dân Tử năm canh nguyệt*

*Mà cũng: bán ruột tường khanh mấy đoạn trường”*

Chúng ta thấy, có hai vấn đề cần nêu rõ qua đoạn này:

phẩm như: Lý Thường Kiệt, Lý Công Uẩn, Trần Hưng Đạo...

<sup>4</sup> Một số nhân vật phản diện trong tác phẩm của hai tác giả tương ứng với thức này như: Bùi Ân, Bàn Thiết Hồ...

<sup>5</sup> Chẳng hạn, nhân vật Châu Phước Nghĩa, Võ Tấn, Võ Kỳ trong tác phẩm *Lê triều Lý thị - sự tích Lý Công Uẩn* của Phạm Minh Kiên

<sup>6</sup> Đây là khía cạnh tạo ra tính tương tác về thể loại hay là sự pha trộn về kỹ thuật sáng tác của các thể loại mà chúng tôi sẽ đề cập trong một nghiên cứu khác về tiểu thuyết lịch sử Nam Bộ giai đoạn 1900 - 1945

Thứ nhất, không còn khoảng cách giữa người kể chuyện và người nghe chuyện, tức một sự thân mật giao tiếp giữa hai đối tượng.

Thứ hai, sự độc lập giữa người kể chuyện (tức là tác giả với lối xưng hô “Dân Tử”) với nhân vật Đông Sơ.

Đây là một trong những biểu hiện của lối kể chuyện mang điểm nhìn toàn tri, tác giả dường như trải nghiệm cùng câu chuyện. Mặt khác, nhiều đoạn miêu tả cũng cho thấy trong tiểu thuyết lịch sử của hai tác giả này có xu hướng nghiêng về phương thức trần thuật ở ngôi thứ nhất. Nhân vật trở thành yếu tố quan trọng cấu tạo nội dung và hình thức tác phẩm. Kiểu viết kèm phụ chú là biểu hiện rõ rệt của hình thức này. Phạm Minh Kiên trong *Duyên phận lỡ làng*<sup>8</sup> kèm theo phụ chú *Hà cảnh lạc năm ngày tự thuật* hay trong *Mười năm hru lạc*<sup>9</sup> kèm theo phụ chú *Dương Tuấn Anh tự thuật*. Kiểu cấu trúc: tên của nhân vật + tự thuật hướng độc giả vào một kiểu tiếp nhận là: chính nhân vật tự kể về số phận của mình. Đây là điểm mới của tiểu thuyết lịch sử hiện đại giai đoạn phôi thai, điều mà chúng ta không thấy trong văn xuôi tự sự trước đó. Sự ảnh hưởng của mô thức tự sự phương Tây đã mạnh mẽ. Cùng thời, chúng ta thấy một số tác phẩm dịch như: *Mémoires de M. d'Artagnan* (Hồi ức của ngài Artagnan) của C. de Sandras hay *Histoire de Gill Blas de Santillane* (Câu chuyện về Gill Blas de

Santillane) của Lesage cũng biểu hiện rõ cách đặt tiêu đề này. Khi đánh giá về sự đổi mới của tiểu thuyết giai đoạn này, nhiều người lấy *Thầy Lazarô Phiền* của Nguyễn Trọng Quản để chứng minh cho sự cách tân khỏi tiểu thuyết trung đại và tiểu thuyết Tàu trước hết là ở cách đặt tên chịu ảnh hưởng của tiểu thuyết phương Tây. Việc lấy tên nhân vật đặt tên truyện hướng đến kiểu tự thuật của nhân vật nhưng cũng có thể đó là câu chuyện được kể bởi một nhân vật nào đó. Tức điểm nhìn có thể không còn là duy nhất, mà có thể bắt đầu chuyển dịch theo đa hướng.

Quả vậy, nếu đọc *Duyên phận lỡ làng* (tức *Hà Cảnh Lạc năm ngày tự thuật*) của Phạm Minh Kiên, sẽ thấy người dẫn chuyện đồng hành với quá trình kể của nhân vật chính: “*Hà Cảnh Lạc nói vậy, tôi coi lại thật cảnh đã vắng người, trời đã khuất mặt. Tôi nói: bây giờ ông tính muốn về sao? Hà Cảnh Lạc nói: tôi muốn về bởi trời tối rồi, mà sự tích của tôi còn dài không thể nói hết choặng. Như quý hữu có rộng lòng nghe tiếp, thì ba giờ mai vô đây tôi sẽ thuật luôn cho quý hữu nghe. Tôi nghe Hà Cảnh Lạc nói vậy, tôi cười mà nói: ông có lòng cho tôi nghe tất việc tiền trình lai lịch của ông thì quý lắm, dẫu cho mấy bữa tôi cũng không ngã lòng, xin ông chớ ngại. Hà Cảnh Lạc gục gặc đầu rồi hai đàng từ giã nhau về.*”

Người kể chuyện vừa là nhân vật, vừa đóng vai trò bình luận, đối thoại với nhân vật. Tức lời văn vừa ở thể trực tiếp vừa ở thể gián tiếp. Lối kể này, làm cho nhân vật kể chuyện và nhân vật chuyện

<sup>7</sup> NXB Tổng hợp Tiền Giang (in lại), 1989

<sup>8</sup> Nhà in J. Nguyễn Văn Việt, Sài Gòn, 1925

<sup>9</sup> Nhà in J. Nguyễn Văn Việt, Sài Gòn, 1923

tương quan chặt chẽ với nhau tạo nên sự phát triển cho câu chuyện. Nhân vật kể là một nhân vật vừa trải nghiệm, nhưng lại vừa có thể bình luận, đánh giá, hướng cách nhìn của người đọc theo quan điểm của tác giả.

Tương quan giữa người trần thuật và nhân vật là điểm cách tân tiêu biểu của tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên. Đây được xem là đóng góp quan trọng trong tiến trình hiện đại hóa văn xuôi tự sự nước nhà.

## 2.2. Tương quan giữa cốt truyện và chi tiết, sự kiện

Chính việc trần thuật diễn ra theo ngôi thứ nhất hoặc nhân vật vừa là người kể vừa là người đóng vai trò trải nghiệm câu chuyện đã trình bày trên đây góp sức cho sự cách tân của Phạm Minh Kiên và Tân Dân Tử về phương diện chọn lựa chi tiết, sự kiện để xây dựng cốt truyện.

Chúng ta thấy rằng, với các tác phẩm tự sự thời trung đại, thời điểm của câu chuyện thường được đẩy về quá khứ. Nói chung, văn tự sự trung đại không chú ý nhiều đến những chi tiết xác thực về thời gian và không gian. Tiếng nói của các nhân vật không phải là tiếng nói cùng thời với tác giả, với người kể chuyện. Địa điểm phần nhiều mang tính ước lệ. Ngược lại, trong tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên cốt truyện được xây dựng từ hiện thực đương thời.

*Việt Nam anh kiệt* của Phạm Minh Kiên mở đầu bằng những chi tiết chân thực: “*Đây cảnh nước Việt Nam vào lúc năm 1414, về quận Kiến Bình, trong 17*

*phủ thuộc hạng thứ năm. Khoảng ấy nhà Trần suy bại, Quý Ly đoạt ngôi, vua nhà Minh bên Tàu đem binh diệt Quý Ly rồi chiếm nước Việt Nam mà cai trị*”. Nhất là các chương có địa danh cụ thể:

- Chương II miêu tả cảnh núi Thanh Tông,
- Chương V có địa danh Trà Lâm Lãnh,
- Chương VIII: có chợ Trấn Nam,
- Chương X có địa danh Bắc Giang,
- Chương XV nhắc đến Lam Sơn; đồng Cò May cách Thuận Hóa chừng mười ngàn thước.

Việc kê khai ngày tháng đầy đủ chi tiết, địa danh có thực làm cho người đọc có tâm thế tiếp nhận đây là câu chuyện thực. Túc tác giả tạo ra cho người đọc một ảo giác về câu chuyện. Việc các tác giả sử dụng dày đặc các chú thích cũng làm tăng thêm ảo giác này<sup>10</sup>. Tân Dân Tử, trong *Gia Long Tẩu Quốc*, ở hồi thứ năm, khi nói về anh hùng Nguyễn Huỳnh Đức, ông chú thích cặn kẽ như sau: “*Nguyễn Huỳnh Đức quê quán ở Tân An, huyện Kiến Hưng. Nguyên ngài họ huỳnh tên Công Đức, vua Gia Long thấy ngài trung thành võ dũng nên cho ngài họ Nguyễn đặt tỏ là người một họ với vua. Vì vậy nên kêu là Nguyễn Huỳnh Đức*” (*Gia Long Tẩu Quốc*, trang 56).

Phạm Minh Kiên trong *Lê triều Lý thị* lại chú trọng đến các chú thích ngữ nghĩa khi ông sử dụng những thành ngữ, từ địa phương. Chẳng hạn “*tha nha thiết xỉ*” được giải thích là “*mà răng nghiêng lợi*”,

<sup>10</sup> Điều mà hầu như không xuất hiện trong văn xuôi tự sự trung đại.

“lựa là” được chú thích là “nữa là”, “chớ khá” được chú thích là “chớ có”, “lóng tai” được chú thích là “đồng tai”,... Viết dã sử nhưng người đọc có cảm giác là một khảo sát lịch sử với lối chú thích như thế này.

Hầu hết các tác phẩm của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên đều có cốt truyện gắn với một khoảng thời gian nhất định. Trong khoảng thời gian ấy, tác giả để cho nhân vật gắn liền với các biến cố, sự kiện để làm nổi bật tư tưởng của mình. Chúng ta dễ nhận ra *Duyên phận lỡ làng*, *Mười lăm năm lưu lạc*, *Hai mươi năm lao碌* của Phạm Minh Kiên bộc lộ rõ ràng đặc trưng này. Lí do xác đáng để giải thích cho cảm quan sáng tác này có thể xuất phát từ những ảnh hưởng của báo chí, đời sống đô thị và văn học phương Tây. Nhưng trên hết là một tâm quan sát mới của tác giả về những biến cố của dân tộc.

Chú trọng sự kiện, tập trung miêu tả chi tiết, đề cao tính xác thực là những yếu tố tiên bộ của tiểu thuyết lịch sử của hai tác giả Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên.

### **3. Vấn đề kết cấu trần thuật và kết cấu tuyến tính trong tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên**

#### **3.1. Vấn đề kết cấu trần thuật**

Việc tổ chức các thành phần tự sự để tạo nên một chỉnh thể về nội dung và hình thức thuộc phạm trù kết cấu trần thuật. Để tìm hiểu vấn đề này, cần xác định “khung” của truyện kể để tìm ra đặc trưng kết cấu của nó. “Khung” liên quan mật thiết đến người kể chuyện. Bởi chính người kể chuyện dẫn dắt các chi tiết và quá trình của nhân vật.

Vấn đề kết cấu trần thuật là nội dung cơ bản trong lí luận văn học. Chính vì thế, có nhiều công trình bàn về vấn đề này. “*Ngoài bố cục, kết cấu còn bao gồm: tổ chức hệ thống tính cách, tổ chức thời gian và không gian nghệ thuật, nghệ thuật tổ chức những liên kết cụ thể của các thành phần cốt truyện, nghệ thuật trình bày, bố trí các yếu tố ngoài cốt truyện,...*”<sup>11</sup>. Đối với thể loại tiểu thuyết, kết cấu càng có ý nghĩa quan trọng. Khả năng biểu hiện của kết cấu phải được tác giả phát huy tối đa. Chính vì thế, trong *150 thuật ngữ văn học*, Lại Nguyên Ân cho rằng: “*Mặt quan trọng nhất của kết cấu, nhất là trong tác phẩm tự sự cỡ lớn là trình tự của việc đưa các miêu tả vào văn bản phải khiến cho nội dung, nghệ thuật luôn được khai triển. Nếu trước khi văn bản chấm dứt mà hàm nghĩa đã cạn kiệt, hoặc hàm nghĩa chưa đủ bộc lộ thì đó là thiếu sót của kết cấu*”<sup>12</sup>. Như trên đã nói, vấn đề hình tượng người kể chuyện trở thành then chốt của việc triển khai kết cấu. Vì nhà văn giao toàn quyền cho người kể chuyện quyết định thứ tự của các sự kiện, sự xuất hiện của nhân vật, đảo lộn hay tuân thủ thời gian tuyến tính..., khía cạnh phổ quát hơn của phạm vi này là việc tổ chức thời gian của truyện kể và thời gian của diễn ngôn. Như ta biết, vấn đề về sự hiện diện của thời gian trong truyện kể được đặt ra bởi sự khác biệt về tính chất thời gian của câu chuyện và thời gian của

<sup>11</sup> Lại Nguyên, tuyển dịch. (2012). *Lí luận văn học - Những vấn đề hiện đại*. NXB Đại học Sư phạm, tr. 154.

<sup>12</sup> Lại Nguyên Ân (2004), *150 thuật ngữ văn học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 168.

diễn ngôn. Trong câu chuyện, nhiều sự kiện có thể diễn biến cùng thời gian, nhưng diễn ngôn buộc phải đặt các sự kiện theo thứ tự sau trước. Nghĩa là tác giả cần phải chuyển đổi thời gian thực sang thời gian truyện kể. Tồn tại song song hay có một độ vênh giữa “thời gian thực” và “thời gian của truyện kể” trở nên đặc trưng phổ quát của phạm trù kết cấu trần thuật. Bởi, nếu như phạm trù truyện kể quan tâm đến hệ thống sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của nhân vật thì khía cạnh diễn ngôn lại quan tâm đến các yếu tố như: *thời gian của truyện kể, điểm nhìn của truyện kể, phương thức của truyện kể, các phép tu từ, kĩ thuật tự sự, thời gian trần thuật, lối viết...*

Từ những khái quát về vấn đề kết cấu trần thuật trên đây, chúng ta có thể phân tích nhiều khía cạnh thú vị trong tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên.

### **3.2. Kết cấu tuyến tính trong tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên.**

Khi bàn về vấn đề kết cấu tuyến tính, cần chú ý đến ý kiến của Phạm Quỳnh trong “*Bàn về tiểu thuyết (tiểu thuyết là gì và phép làm tiểu thuyết thế nào)*”. Ông cho rằng: “Văn Tàu và văn ta là lối chép sử, việc gì cũng chép lần lượt từ đầu đến cuối, cứ theo thứ tự sau trước, không gián đoạn một khúc nào, không đảo ngược một phần nào, như nói về một người thì phải biết kể hết lai lịch người ấy từ đời ông đến đời cha, từ thuở nhỏ đến tuổi lớn, lần lượt chép như chép gia phả vậy. Lối văn ấy là văn đường thẳng, cứ tuần tự mà lên, lần lần mà

đến,..” (Tạp chí *Nam Phong*, số 43).

Kết cấu tuyến tính là phương thức nổi bật trong tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên. Trục thời gian của một giai đoạn lịch sử được tác giả lựa chọn cho một tác phẩm. Bộ ba tác phẩm *Gia Long tẩu quốc, Gia Long phục Quốc, Hoàng tử Cảnh như Tây* lấy giai đoạn lịch sử cuộc chiến tranh giành cơ giữa hai lực lượng Tây Sơn và Nguyễn Ánh làm trục chính để triển khai các vấn đề xoay quanh câu chuyện và tuyến nhân vật. Theo thứ tự thời gian, *Gia Long tẩu quốc* (năm 1930) miêu tả giai đoạn đầu quá trình chạy trốn của Nguyễn Anh và tướng lĩnh trước sự đánh đuổi của quân Tây Sơn. *Hoàng tử Cảnh như Tây* (năm 1931) là quá trình cầu viện nước Pháp của Nguyễn Ánh. *Gia Long phục quốc* (năm 1932) kể về quá trình xây dựng vương nghiệp của nhà Nguyễn.

Phương thức tuyến tính còn biểu hiện rõ trong việc miêu tả trật tự của nội dung câu chuyện. *Việt Nam anh kiệt* của Phạm Minh Kiên diễn biến theo trật tự: hội ngộ - lưu lạc - đoàn viên. Phụng Tiên vì nghĩa, cứu cha Ngọc Sương và được ông gả Ngọc Sương cho mình. Trong hành trình trở về sơn trại để mưu việc cứu nước đánh giặc, lúc qua sông vì sóng to gió lớn nên Ngọc Sương bị nước cuốn trôi. Cô được vợ chồng ông Hoàng Công Định cứu sống và nhận làm con nuôi. Phụng Tiên tìm kiếm Ngọc Sương không được, cuối cùng quay về sơn trại cùng các huynh đệ. Anh em Phụng Tiên nghe tin Minh công Lê Lợi dấy binh khởi nghĩa nên về đầu quân. Họ lập



được nhiều công lớn khi ra tay trừ diệt bọn cướp nước. Trong trận quyết chiến với Mộc Kiển Oai, Phụng Tiên bị lạc vào ngôi làng, và dừng đúng ngay ngôi nhà của vợ mình đang sống. Họ được gặp lại nhau. Gia đình họ trùng phùng, sau đó Phụng Tiên gửi vợ lại nhà cha mẹ nuôi để tiếp tục lên đường dẹp giặc. Từ đây, Phụng Tiên theo Lê Lợi lập được nhiều chiến công rất oanh liệt. Cho đến khi Lê Lợi dẹp được binh Tàu, lập nghiệp nhà Lê rồi phong quan cho chàng, chàng mới về rước Ngọc Sương. Từ đó vợ chồng mới hết hồi gian nan cực khổ.

Hay với *Lê triều Lí thị - sự tích Lí Công Uẩn*, Phạm Minh Kiên dựa vào ít trang viết về Lí Công Uẩn trong các sách *Đại Việt sử ký*, *Đại Nam thực lục tiền biên*, *Việt Nam sử lược* và sách tiểu truyện danh nhân như *Nam Hải dị nhân* của Phan Kế Bính để xây dựng kết cấu. Nhờ tính các chi tiết chân thực mà tác phẩm đã diễn tả một cách sinh động hình tượng vị anh quân, minh quân Lí Công Uẩn trải bao sóng gió, lập nhiều công trạng, lên ngôi chí tôn, mở ra một thời kỳ thái bình thịnh trị kéo dài, đặt nền móng vững chắc xây dựng một đất nước văn hiến hùng mạnh ở cõi trời Nam.

Người đọc dễ dàng hình dung sơ đồ của câu chuyện theo trật tự tuyến tính: *Hội ngộ - Lưu lạc - Đoàn viên*:

Chuyện kể về Lí Công Uẩn. Khi sư thầy mất, Lí Công Uẩn buồn bã bỏ đi, đến nhà Viên ngoại Trần Tấn Thân thì gặp bọn cướp. Lí Công Uẩn ra tay và đánh thắng. Ông cùng Trần Mạnh Duy, Đào Quý (đang cướp) kết nghĩa anh em. Được Viên ngoại hứa gả con gái là Trần Bạch Loan (*hội ngộ*

1) và cho con trai là Trần Vân Mộng theo học võ nghệ.

Lí Công Uẩn và Vân Mộng xuống chốn trường an kiểm thế đầu quân xuất sĩ (*lưu lạc 1*). Trên đường đi, họ gặp và đánh nhau với Bùi Ân để cứu Ngọc Anh. Thua cuộc nên Bùi Ân lên ngựa ra về, sau cho quân lính quay lại tìm, Lí Công Uẩn vì muốn tìm tung tích Ngọc Anh nên chịu để bị bắt về phủ Bùi Thịnh. Lí Công Uẩn và Vân Mộng bị chuốc rượu và bị nhốt vào ngục. Sau đó được Duy Mạnh giải cứu. Lí Công Uẩn từ biệt các em và tiếp tục lên đường. Trên đường đi, gặp cướp, Lí Công Uẩn đánh thắng và kết nghĩa cùng Châu Phước Nghĩa, Võ Tấn, Võ Kỳ. Tiếp tục hành trình, họ cứu được Xuân Kiều khỏi tay bọn Nùng Trí Ly (*hội ngộ 2*). Trong lúc đánh nhau với bọn Nùng thì bọn mọi lại xuất hiện và bắt Xuân Kiều bán cho thổ hào Liễu Mậu Hùng Bị ép liễu nài hoa, Xuân Kiều mượn nhục Liễu Mậu Hùng và bị nhốt trong phòng kín. May thay Tiên Thanh xuất hiện, đánh nhau với Liễu Mậu Hùng. Được Công Uẩn hậu thuẫn nên họ cứu được Xuân Kiều. Tiên Thanh cùng Công Uẩn kết nghĩa đệ huynh, họ tiếp tục lên đường (*lưu lạc 2*).

Về phần Trịnh Hồng, Tôn Đình Lượng, Lỗ Trí Viễn, vì phản quốc bội quân, cả ba bày mưu bắt công chúa Liên Hoa dâng cho động chủ Thiên Oai. May nhờ ni cô Diệu Tịnh cho một hoàn thuốc độc, Liên Hoa bỏ vào rượu cho Thiên Oai ngủ say, tránh việc bị hấn ép liễu nài hoa. Công chúa nhờ bàn tay của Thiên Oai giết chết Lỗ Trí Viễn, Bàn Thiết Hồ và Bạch

Phùng Hưng. Cũng nhờ hoàn thuốc đó, Công chúa lần nữa hạ thủ Thiên Oai và được Công Uẩn cứu thoát (*hội ngộ 3*). Thiên Oai tức giận thỉnh các động hạ sơn, Công Uẩn phải nhờ cao hơn Pháp Đạt cư sĩ trợ lực. Chiến thắng trở về, vua Đại Hành gả em gái cho Công Uẩn. Nhưng vì tình xưa với Bạch Loan và Xuân Kiều, Công Uẩn kể lại sự tình và được vua đồng ý đôn nhậm vị tiểu thư về rồi định đoạt ngôi thứ. Khi có mặt đầy đủ cả ba người con gái, vua phân cho Bạch Loan làm lớn, Xuân Kiều làm thứ và Liên Hoa làm nhỏ. (*đoàn viên cả 3*) Nhưng cả Xuân Kiều và Bạch Loan đều tấu: để công chúa làm lớn. Đến nước cuối, vua phải viết ba chữ Chánh, Phó, Thứ và cho họ bắt thăm. Xuân Kiều làm lớn, Liên Hoa làm thứ, chót hết là Bạch Loan.

Như vậy, có thể thấy, “cấu trúc đóng” là kiểu trần thuật cơ bản của tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên. Ý kiến của nhà nghiên cứu Jean-Yves Tadié trong “La critique littéraire du XXe siècle” giải thích rõ cho mô thức cấu trúc này: “Phân tích cấu trúc đóng của truyện kể tức là nghiên cứu các phương thức của việc kể chuyện mà nó trình bày: mọi hệ thống về hình thức làm phức tạp hóa việc trình bày đều hướng tới việc làm mở cấu trúc đóng ra. Trong ý nghĩa đó, việc kể chuyện theo trục thẳng, theo trật tự niên biểu của các biến cố, giới thiệu một cách rõ ràng các nhân vật và làm nổi rõ trong văn bản những nơi chôn của cuộc phiêu lưu, tương ứng một cách hoàn

hảo với cấu trúc đóng”.<sup>13</sup>

#### 4. Kết luận

Nghiên cứu tương quan của một số yếu tố tự sự trong tác phẩm của Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên cho phép khẳng định những đặc trưng cơ bản trong sáng tác của hai nhà văn này. Đó cũng là bước nghiên cứu làm tiền đề cho đặc trưng kết cấu. Và thực tế, quá trình xác định sự tương quan giữa các yếu tố tự sự tức cũng là đang đi tìm các kiểu nhân vật và cách tạo dựng mối quan hệ và hành trình của nhân vật trong kết cấu của tác phẩm.

Chúng tôi nhận thấy một kiểu tự sự tương đồng của hai nhà văn này: vừa có tính hiện đại, vừa kế thừa truyền thống, vừa có đặc điểm của tiểu thuyết chương hồi, vừa mang hình thức nghệ thuật giải trí theo kiểu phương Tây hiện đại. Cho nên, trong tác phẩm của hai nhà văn, vẫn có sự pha trộn giữa kết cấu tuyến tính và phi tuyến tính, người kể chuyện vừa có tính “toàn tri” nhưng có những chỗ không hoàn toàn “toàn tri”.

Nhịp điệu câu văn theo hướng biến ngẫu là một đặc trưng phổ biến trong phạm vi lời văn nghệ thuật của tác phẩm Tân Dân Tử và Phạm Minh Kiên. Nhưng đó là một kiểu văn biến ngẫu có pha trộn với tính chất báo chí, chứ không hoàn toàn như văn tự sự trung đại. Đây là khía cạnh thú vị và hứa hẹn mang lại nhiều cái nhìn mới về tiểu thuyết lịch sử giai đoạn 1900 - 1945 mà chúng tôi sẽ phân tích trong một nghiên cứu khác.

<sup>13</sup> Dẫn theo Đào Duy Hiệp. (2008). “Phê bình văn học, từ lý thuyết hiện đại”. NXB Giáo dục.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lại Nguyên Ân. (2004). *150 thuật ngữ văn học*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Phan Cự Đệ. (1978). *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*, tập 1 và 2. Hà Nội: NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
- Brian Richardson. (2000). “Recent Concepts of Narrative and the Narratives of Narrative Theory”, *Style* 34.
- Phan Cự Đệ. (2001). “Mấy vấn đề phương pháp luận khi nghiên cứu thể loại tiểu thuyết”. Tạp chí Văn nghệ quân đội 2 - 2001, tr.101-105.
- Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, đồng chủ biên. (2000). *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Đào Duy Hiệp. (2008). *Phê bình văn học, từ lí thuyết hiện đại*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Khravchenko. M. B. (1978). *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học* (Lê Sơn, Nguyễn Minh dịch). Hà Nội: NXB Tác phẩm mới, Hội Nhà văn Việt Nam.
- Phạm Minh Kiên. (1923). *Mười năm lưu lạc*. Sài Gòn: Nhà in J. Nguyễn Văn Viết.
- Phạm Minh Kiên. (1925). *Duyên phận lỡ làng*. Sài Gòn: Nhà in J. Nguyễn Văn Viết.
- Phạm Minh Kiên. (1929). *Việt Nam Lý Trung Hưng*. Sài Gòn: Nhà in Đức Lưu Phương.
- Phạm Minh Kiên. (1930). *Lý Bằng Phi - tiểu thuyết*. Sài Gòn: Nhà in Đức Lưu Phương.
- Phạm Minh Kiên. (1932). *Tiền Lê vận mệnh*. Sài Gòn: Tín Đức thư xã.
- Phạm Minh Kiên. (1933). *Trần Hưng Đạo, lịch sử tiểu thuyết*. Sài Gòn: Tín Đức thư xã.
- Phạm Minh Kiên. (2015). *Việt Nam anh kiệt - vì nghĩa liều mình*, tái bản trên bản in năm 1952. Hà Nội: NXB Hồng Đức.
- Phạm Minh Kiên. (2015). *Lê Triệu Lý Thị - sự tích Lý Công Uẩn*, tái bản trên bản in năm 1956. Hà Nội: NXB Hồng Đức.
- Lã Nguyên, tuyển dịch. (2012). *Lí luận văn học - Những vấn đề hiện đại*. NXB Đại học Sư phạm, tr.154.
- Phạm Quỳnh. *Bàn về tiểu thuyết (tiểu thuyết là gì và phép làm tiểu thuyết thế nào)*. Tạp chí Nam Phong, số 43.
- Trần Đình Sử, chủ biên. (2008). *Tự sự học*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Trần Đình Sử. (1998). *Dẫn luận thi pháp học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Tân Dân Tử. (1930). *Gia Long tẩu quốc*. Sài Gòn: NXB Bảo Tồn.
- Tân Dân Tử. (1931). *Hoàng tử Cảnh như Tây* (in lần thứ ba). Sài Gòn: NXB Phạm Đình Khương.
- Tân Dân Tử. (1932). *Gia Long phục quốc*. Sài Gòn: Nhà in Xưa Nay.
- Tân Dân Tử. (1989). *Giọt máu chung tình*. Tiền Giang: NXB Tổng hợp.